

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 604/2025/DS-ST
Ngày: 13/5/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Bà Nguyễn Thị Nhon

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trân – Thư ký Toà án nhân dân QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại phòng xử án của Toà án nhân dân QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 2388/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A
Trụ sở: 442 N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Minh T, sinh năm 1978
Giấy uỷ quyền số 340/UQ-QLN.25 ngày 14/3/2025.
(Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Anh Q, sinh năm 1996
Địa chỉ: 482/42 N, Phường M, QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2024, lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phạm Minh T tại bản tự khai và các biên bản hòa giải:

Ông Nguyễn Minh Anh Q có ký với Ngân hàng TMCP A Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số PDP.CN.1670.171018 ngày 17/10/2018 (số tài khoản vay: 271013709) để vay số tiền 110.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng tín chấp, vay lẻ, mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn cho vay là 37 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày ông Q nhận tiền vay lần đầu, lãi suất tính theo dư nợ vay ban đầu là 10%/năm, lãi suất tính theo dư nợ cho vay thực tế là 19,47%/năm. Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền 110.000.000 đồng vào tài khoản số 1223287 của ông Q tại Ngân hàng Á Châu,

ngay sau đó ông Q đã thực hiện rút tiền mặt số tiền 110.000.000 đồng. Việc thanh toán nợ gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ với số tiền là 3.890.000 đồng/kỳ, bắt đầu thanh toán vào ngày 10/11/2018, và ngày thanh toán cuối cùng là ngày 17/11/2021 với số tiền là: 3.876.667 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Nguyễn Minh Anh Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ với A kể từ kỳ thanh toán ngày 10/6/2019, và kể từ kỳ thanh toán ngày 10/10/2019 thì ông Q không thanh toán nợ cho đến nay. Căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, ngày 26/11/2020, nguyên đơn đã có Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của ông Q, và thực hiện khởi kiện yêu cầu ông Q phải thanh toán số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng vay nêu trên tạm tính đến ngày 03/4/2025 là: 211.469.298 đồng, trong đó:

- + Vốn gốc: 77.297.000 đồng
- + Lãi trong hạn: 14.244.067 đồng
- + Lãi quá hạn: 99.149.998 đồng
- + Phạt chậm trả lãi: 20.778.233 đồng

Ông Nguyễn Minh Anh Q có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ 04/4/2025 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng. Án phí do ông Q chịu.

* Bị đơn, ông Nguyễn Minh Anh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Q vắng mặt không có lý do và không gửi đến Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa,

Đại diện của nguyên đơn, ông Phạm Minh T có đơn xin vắng mặt và nộp bản tự khai có nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 13/5/2025 phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số PDP.CN.1670.171018 ngày 17/10/2018 là: 214.817.163 đồng, bao gồm:

- + Vốn gốc: 77.297.000 đồng
- + Lãi trong hạn: 14.244.067 đồng
- + Lãi quá hạn: 101.623.926 đồng
- + Phạt chậm trả lãi: 21.652.170 đồng

Ông Q có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 14/5/2025 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Yêu cầu thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Q phải chịu tiền án phí.

Bị đơn: Vắng mặt.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn và đại diện nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét về chủ thể ký kết, nội dung và hình thức Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số PDP.CN.1670.17102018 ngày 17/10/2018 là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có giá trị pháp lý. Việc bị đơn không đảm bảo việc thanh toán đã ảnh hưởng đến lợi ích của nguyên đơn. Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Minh Anh Q phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 77.297.000 đồng, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi trong hạn phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số PDP.CN.1670.17102018 ngày 17/10/2018, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải đóng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, bị đơn có địa chỉ cư trú cuối cùng tại 482/42 N, Phường M, QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh, đối với việc vay trả góp hợp đồng tín dụng nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ giấy triệu tập bị đơn để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 23/4/2025 và phiên tòa hôm nay nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số PDP.CN.1670.17102018 ngày 17/10/2018 là: 214.817.163 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, bị đơn không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[3.2] Về chủ thể, nguyên đơn với bị đơn là pháp nhân và cá nhân có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, hai bên ký hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Về nội dung và hình thức, hợp đồng đã tuân thủ các quy định của pháp luật về giao dịch dân sự và luật các tổ chức tín dụng

nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ và các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[3.3] Ông Q đã ký hợp đồng để vay số tiền 110.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng tín chấp, vay lẻ, mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn cho vay là 37 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày ông Q nhận tiền vay lần đầu, lãi suất tính theo dư nợ vay ban đầu là 10%/năm, lãi suất tính theo dư nợ cho vay thực tế là 19,47%/năm. Việc thanh toán nợ gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ với số tiền là 3.890.000 đồng/kỳ, bắt đầu thanh toán vào ngày 10/11/2018, và ngày thanh toán cuối cùng là ngày 17/11/2021 với số tiền là: 3.876.667 đồng. Thực hiện hợp đồng, ngày 17/10/2018 ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền 110.000.000 đồng vào tài khoản số 1223287 của ông Q tại Ngân hàng TMCP Á Châu, ngay sau đó ông Q đã thực hiện rút tiền mặt toàn bộ số tiền 110.000.000 đồng, thể hiện tại bảng kê giao dịch ngày 17/10/2018 do nguyên đơn cung cấp.

[3.4] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q đã thanh toán 43.390.502 đồng bao gồm cả tiền gốc và lãi nhưng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với nguyên đơn từ kỳ thanh toán ngày 10/6/2019, và kể từ kỳ thanh toán ngày 10/10/2019 cho đến nay thì ông Q không thanh toán nợ (thể hiện tại sao kê giao dịch tài khoản vay số 271013709 của ông Q) là vi phạm hợp đồng. Theo thỏa thuận tại Điều 5, 6, 8 của Hợp đồng, nguyên đơn chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, chuyển nợ toàn bộ dư nợ quá hạn với mức lãi suất 29,21%/năm (150% lãi suất trong hạn) và tính lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm theo thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng là có căn cứ. Ngày 26/11/2020, nguyên đơn đã có Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của ông Q, sau đó thực hiện khởi kiện yêu cầu ông Q phải thanh toán số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi phát sinh từ hợp đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

[3.5] Căn cứ Bảng tính lãi theo tài khoản của ông Q, thì tạm tính đến ngày 13/5/2025, tổng số tiền ông Q còn nợ là 214.817.163 đồng, bao gồm:

- + Vốn gốc: 77.297.000 đồng;
- + Lãi trong hạn: 14.244.067 đồng;
- + Lãi quá hạn: 101.623.926 đồng;
- + Phạt chậm trả lãi: 21.652.170 đồng.

[3.6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc và lãi là: 214.817.163 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.740.858 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 7, Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu.

Ông Nguyễn Minh Anh Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu số tiền phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số PDP.CN.1670.17102018 ngày 17/10/2018 là 214.817.163 đồng, bao gồm:

+ Vốn gốc: 77.297.000 đồng;

+ Lãi trong hạn: 14.244.067 đồng;

+ Lãi quá hạn: 101.623.926 đồng;

+ Phạt chậm trả lãi: 21.652.170 đồng.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Q còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số dư nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số PDP.CN.1670.17102018 ngày 17/10/2018.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Minh Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.740.858 (Mười triệu bảy trăm bốn mươi ngàn tám trăm năm mươi tám) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 4.310.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0054243 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu và Ông Nguyễn Minh Anh Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân nhân dân QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND QUẬN B;
- THADS QUẬN B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiều Trang